

KT3-07691AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/11/2025
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu
Name of sample : **M1/ NƯỚC CẤP KHU A**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 03/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 01 x 2 L + 02 x 500 mL;
Unit/sample: 01 x 2 L + 02 x 500 mL;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa;
Container: plastic bottle, plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 03/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 03/11/2025 – 11/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC**
Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,
Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



KT3-07691AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/11/2025

Page 02 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No have strange odor ^(a)	Không có mùi lạ/ No have strange odor	-
7.3	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.4	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(a)	8,1	-
7.5	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.6	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(a)	0,6	-
7.9	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07691AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/01/2025
Trang Page 03 / 03

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ *National Technical Regulation on Domestic Water Quality*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

(a) Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường/ *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-07691AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/11/2025
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu
Name of sample : M2/ NƯỚC CẤP KHU B, C
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 03/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 01 x 2 L + 02 x 500 mL;
Unit/sample: 01 x 2 L + 02 x 500 mL;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa;
Container: plastic bottle, plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 03/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 03/11/2025 – 11/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC
Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh



Ngô Quốc Việt



KT3-07691AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/11/2025
Page 02 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No have strange odor ^(a)	Không có mùi lạ/ No have strange odor	-
7.3	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.4	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(a)	8,0	-
7.5	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.6	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(a)	0,6	-
7.9	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07691AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/11/2025
Page 03 / 03

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

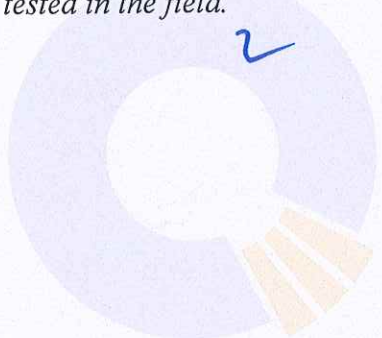
TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ *National Technical Regulation on Domestic Water Quality*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

(a) Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường/ *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*


QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-07691AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/11/2025
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu
Name of sample : M3/ NƯỚC CẤP GIAI ĐOẠN 2
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 03/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 01 x 2 L + 02 x 500 mL;
Unit/sample: 01 x 2 L + 02 x 500 mL;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa;
Container: plastic bottle, plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 03/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 03/11/2025 – 11/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC
Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 64 Lê Hồng Phong, Chiểu Ward, HCMC, Vietnam - 64 Lê Hồng Phong, Chiểu Ward, HCMC, Vietnam



ISO/IEC 17025:2017

KT3-07691AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/11/2025
Page 02 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No have strange odor ^(a)	Không có mùi lạ/ No have strange odor	-
7.3	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.4	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(a)	7,9	-
7.5	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.6	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(a)	0,6	-
7.9	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07691AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/11/2025
Trang Page 03 / 03

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ *National Technical Regulation on Domestic Water Quality*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

(a) Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường/ *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

